

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hương

2. Bà Nguyễn Thị Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1978 (*Có mặt tại phiên tòa*)

Nơi cư trú: Thôn BPF, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn

Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Văn hóa 5/12

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Xóm H, xã CT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Văn hóa 5/12

(Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Chị và anh Đặng Văn C kết hôn với nhau từ năm 1998, trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa

phương, tuy nhiên do lạc hậu, thiếu hiểu biết nên hai vợ chồng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung tại xóm H, xã CT, huyện ĐH. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, nhiều lần anh C đánh chị rất đau chị phải báo chính quyền địa phương, Công an xóm, xã đến can thiệp. Chính quyền địa phương và Công an xã cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh C không thay đổi, chỉ về nhà được vài hôm vợ chồng lại xảy ra xô xát, anh C lại đánh chị. Cuối năm 2016 do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể tiếp tục sống với nhau được nên chị đã bỏ về quê ngoại ở xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay.

Chị xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của chị và anh Chi đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Hà Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, con lớn tên Đặng Phúc H, sinh ngày 07/9/1998, con thứ hai tên Đặng Phúc H1, sinh ngày 19/5/2002 hiện đã nghỉ học và đang đi làm thuê cùng anh C, con thứ ba là Đặng Thị H2, sinh ngày 7/6/2004 hiện đang ở với chị tại tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên vọng về con chung: Cháu H hiện đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, đã có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Cháu H1 có nguyện vọng muốn ở với bố nên chị đồng ý sau khi ly hôn anh C sẽ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 cho tới khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Cháu H2 hiện tại đang sống cùng với chị nên chị muốn sau khi ly hôn chị sẽ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H2 cho tới khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Vì mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn anh Đặng Văn C trình bày:

Anh và chị Hà Thị L kết hôn với nhau từ năm 1998, trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên không tiến hành đăng ký kết hôn do lạc hậu và thiếu hiểu biết pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm H, xã CT, huyện ĐH. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Chị L đã bỏ về quê ngoại ở Bắc Kạn sống nhiều năm nay.

Anh xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị L theo quy định.

Về con chung: Anh C cũng xác định vợ chồng có 03 con chung là Đặng Phúc H sinh ngày 07/9/1998, Đặng Phúc H1 sinh ngày 19/5/2002 và Đặng Thị H2 sinh ngày 7/6/2004. Quan điểm về con chung: Cháu H hiện hiện đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Hai con chung chưa thành niên là cháu H1 và cháu H2 thì mỗi người nuôi một con, cháu H1 anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu chị L cấp dưỡng, cháu H2 chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại bản tự trình bày nguyện vọng ngày 26/2/2018, cháu Đặng Thị H2 có nguyện vọng bố mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng với mẹ. Tại biên bản làm việc ngày 22/5/2018, cháu Đặng Phúc H1 có nguyện vọng bố mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng với bố.

[4] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 21, Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị L và anh Đặng Văn C.

+ Về con chung: Giao con chung là Đặng Phúc H1 sinh ngày 19/5/2002 cho anh Đặng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Đặng Thị H2 sinh ngày 7/6/2004 cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Đặng Phúc H sinh ngày 07/9/1998 hiện tại đã thành niên nên không giải quyết.

Về cấp dưỡng không có yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Án phí chị Hà Thị L phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hà Thị L, cư trú tại: Thôn BPF, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn với bị đơn anh Đặng Văn C, cư trú tại: Xóm H, xã CT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hà Thị L có mặt, bị đơn anh Đặng Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn C.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Đặng Văn C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, do lạc hậu, thiếu hiểu biết nên anh chị không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, nhiều lần xô xát chính quyền địa phương phải đến can thiệp, giải quyết. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ năm 2016 chị Hà Thị L đã bỏ về quê ở huyện CM, tỉnh Bắc Kạn sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Bản thân chị Hà Thị L và anh Đặng Văn C hiện tại đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân đã làm vào tình trạng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích kết hôn không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng.

Qua đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân hiện nay giữa chị L và anh C đã ở mức trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị L và anh C sau khi tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương không tới cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C.

+ Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh C có 03 con là Đặng Phúc H sinh ngày 07/9/1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi); Đặng Phúc H1 sinh ngày 19/5/2002 có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn; Đặng Thị H2 sinh ngày 7/6/2004 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Đặng Phúc H đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), các bên đương sự đều xác định cháu đủ năng lực hành vi dân sự, có thể tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

Cháu Đặng Phúc H1 hiện đang sinh sống cùng anh C cuộc sống ổn định, anh C có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho tới khi cháu thành niên, bản thân cháu cũng có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố nên cần giao cháu H1 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi thành niên hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Cháu Đặng Thị H2 hiện đang sinh sống cùng chị L cuộc sống ổn định, chị L có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 cho tới khi cháu thành niên, bản thân cháu cũng có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ nên cần giao cháu H2 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi thành niên hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Các bên không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị L và anh Đặng Văn C.

2. Về con chung:

Giao con chung là Đặng Phúc H1 sinh ngày 19/5/2002 cho anh Đặng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung là cháu Đặng Thị H2 sinh ngày 7/6/2004 cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu H2 thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Cháu Đặng Phúc H sinh ngày 07/9/1998 hiện đã thành niên (trên 18 tuổi), có đủ năng lực hành vi dân sự, có thể tự lao động do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Chị Hà Thị L và anh Đặng Văn C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015926 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Chị Lang đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn (chị L), vắng mặt bị đơn (anh C). Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh C biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã CT, huyện DH;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Thủy
(đã ký)**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Bắc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân:

1.....

2.....

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về không công nhận vợ chồng giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chín, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Đồng Cỏ, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Tô Văn Tám, sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm Đồng Cỏ, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I. Điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

II. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Chín và anh Tô Văn Tám. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

2. Về con chung: Con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), đủ năng lực hành vi dân sự, không mất khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Chín phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015924 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Chị Chín đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chín có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tám có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Bắc